

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2011/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 28 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định tỷ lệ (%) phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2012, thời kỳ ổn định 2011 – 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Luật NSNN;

Căn cứ Nghị quyết số 224/2010/NQ-HĐND ngày 14/12/2010; Nghị quyết số 26/2011/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tỷ lệ (%) phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2012, thời kỳ ổn định 2011 - 2015 như phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2012 và thay thế Quyết định số 4383/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh Phú Thọ;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Dân Mạc (Đã ký)

**TỶ LỆ (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ NĂM 2012, THỜI KỲ ỔN ĐỊNH 2011 - 2015**

*(Kèm theo Quyết định số: 28/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2011
của UBND tỉnh Phú Thọ)*

STT	NỘI DUNG	Việt Trì, Phú Thọ				11 huyện còn lại ⁽¹⁾		
		NS cấp tỉnh	NS thành phố, thị xã	NS xã		NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, TT
				NS phường	NS xã			
1	Thuế GTGT từ các doanh nghiệp Trung ương (DNTU); doanh nghiệp địa phương, doanh nghiệp cổ phần hóa có vốn Nhà nước (DNĐP); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (DNĐTNN)	100				100		
2	Thuế TNDN từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN	100				100		
3	Thuế TTĐB từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN	100				100		
4	Thuế môn bài từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN	100				100		
5	Thuế tài nguyên	100				100		
6	Tiền thuê đất từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN	100				100		
7	Thu khác từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN	100				100		
8	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh							
a	<i>Thuế GTGT, TNDN, TTĐB, môn bài, tài nguyên, tiền thuê đất và thu khác từ các DN ngoài quốc doanh</i>	70	30			50	50	
b	<i>Thuế GTGT, TNDN, TTĐB, môn bài, tài nguyên, tiền thuê đất và thu khác từ các hộ kinh doanh cá thể</i>							
	- Đối với các phường		90	10				
	+ Đối với các xã, thị trấn		30		70		30	70
9	Lệ phí trước bạ							
	- Đối với ô tô, tàu thuyền, xe máy		100				100	
	- Đối với nhà đất							
	<i>Trong đó: - Phường</i>		80	20				
	<i>- Xã, thị trấn</i>		30		70		30	70
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp/Thuế nhà đất							
	- Đối với phường		70	30				
	- Đối với xã, thị trấn		30		70		30	70
11	Thuế thu nhập cá nhân							
	- Cục thuế tỉnh quản lý thu	100				100		
	- Chi cục thuế các huyện, thành, thị quản lý thu							
	+ Đối với các phường		90	10				
	+ Đối với các xã, thị trấn		30		70		30	70
12	Thu xổ số kiến thiết	100				100		

STT	NỘI DUNG	Việt Trì, Phú Thọ				11 huyện còn lại ⁽¹⁾		
		NS cấp tỉnh	NS thành phố, thị xã	NS xã		NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, TT
				NS phường	NS xã			
13	Thu tiền sử dụng đất							
a	Đối với các xã: Sơn Dương, Cao Xá, Kinh Kệ, Hợp Hải, Vĩnh Lại, Bản Nguyên, Tứ Xã, Sơn Vi, Xuân Huy, Thạch Sơn (huyện Lâm Thao); Đồng Luân, Xuân Lộc, Thạch Đồng, Tu Vũ, Hoàng Xá, Đoan Hạ, Yên Mao, Trung Nghĩa, Tân Phương (huyện Thanh Thủy); Gia Điền, Xuân Áng, Vĩnh Chân, Đan Thượng, Hiền Lương, Chuế Lưu, Vụ Cầu, Mai Tùng, Y Sơn (huyện Hạ Hòa); Thụy Vân, Hùng Lô (thành phố Việt Trì); Thanh Minh (thị xã Phú Thọ); Thượng Nông, Hương Nộn (huyện Tam Nông); An Đạo, Trung Giáp, Phù Ninh (huyện Phù Ninh); Văn Bán, Đồng Cam, Phương Xá, Sơn Tinh, Điều Lương (huyện Cẩm Khê); Đông Thành, Đại An, Đỗ Xuyên, Chí Tiên, Đồng Xuân (huyện Thanh Ba); Chí Đám, Bằng Luân, Chân Mộng (huyện Đoan Hùng); Lương Nha, Địch Quả (huyện Thanh Sơn); Thu Cúc, Xuân Đài (huyện Tân Sơn); Đồng Thịnh, Hưng Long (huyện Yên Lập).	20	20		60	20	20	60
b	Đối với xã Tân Phú (huyện Tân Sơn)					20	80	-
c	Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại	30	50	20	20	20	40	40
d	Tiền sử dụng đất từ đầu giá quyền sử dụng đất các dự án, công trình trọng điểm (khu đô thị mới, các khu công nghiệp...) do tính tập trung quản lý thu	100				100		
e	Chi phí đầu giá quyền sử dụng đất, kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, kinh phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, quy hoạch cho diện tích đất đầu giá... cấp nào thực hiện được phản ánh vào ngân sách cấp đó 100%.	100	100	100	100	100	100	100
14	Thu phí và lệ phí							
	* Phí và lệ phí tỉnh	100				100		
	* Phí và lệ phí huyện, thành, thị		100				100	
	* Phí và lệ phí xã, phường, thị trấn			100	100			100
	* Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	20	30	50	50	20	30	50
	* Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải:							
	- Phí bảo vệ môi trường nước thải công nghiệp	100				100		
	- Phí bảo vệ môi trường nước thải sinh hoạt							
	+ Đơn vị cung cấp nước sạch tổ chức thu đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt có sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước		100				100	
	Riêng đơn vị cung cấp nước sạch là Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ	100				100		

STT	NỘI DUNG	Việt Trì, Phú Thọ				11 huyện còn lại ⁽¹⁾		
		NS cấp tỉnh	NS thành phố, thị xã	NS xã		NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, TT
				NS phường	NS xã			
	+ UBND xã, phường, thị trấn tổ chức thu đối với các tổ chức, cá nhân tự khai thác nước để sử dụng thuộc đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt			100	100			100
15	Thuế bảo vệ môi trường	100				100		
16	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản... tại xã,			100	100			100
17	Thu khác ngân sách (ngân sách cấp nào thu ngân sách cấp đó hưởng 100%)	100	100	100	100	100	100	100

Ghi chú:

- (1): 11 huyện còn lại bao gồm: Phù Ninh, Lâm Thao, Đoan Hùng, Thanh Ba, Hạ Hòa, Tam Nông, Thanh Thủy, Cẩm Khê, Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn.